

NÂNG CAO NĂNG LỰC GIAO TIẾP LIÊN VĂN HOÁ CHO SINH VIÊN THÔNG QUA MỘT DỰ ÁN TRỰC TUYẾN QUỐC TẾ VỀ DU LỊCH BỀN VỮNG

*Hoàng Thị Thanh¹, Phạm Diệu Ly¹, Nguyễn Thị Thảo¹, Đinh Thị Bích Nguyệt¹,
Trần Minh Đức¹, Đặng Hồng Hà²*
Email: thanhht@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/06/2025

Ngày phản biện đánh giá: 01/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 23/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1095

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả của phương thức học tập cộng tác trực tuyến quốc tế (Collaborative Online International Learning - COIL) trong việc phát triển năng lực giao tiếp liên văn hoá (Intercultural Communicative Competence - ICC) của 34 sinh viên ngành du lịch Việt Nam, đồng thời khám phá quan điểm của người học về vai trò của COIL đối với quá trình cải thiện ICC sau khi tham gia một dự án về du lịch bền vững quốc tế. Nghiên cứu áp dụng mô hình tiền kiểm - hậu kiểm không có nhóm đối chứng kết hợp phương pháp định lượng và định tính. Kết quả phân tích định lượng và định tính cho thấy sự cải thiện rõ rệt ở cả bốn thành tố của ICC: thái độ, nhận thức, kiến thức, và kỹ năng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị đối với các cơ sở giáo dục đại học cũng như các nghiên cứu tương tự trong tương lai.

Từ khoá: COIL, ICC, năng lực giao tiếp liên văn hoá, du lịch bền vững

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và quốc tế hoá giáo dục, việc thành thạo ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh, không chỉ là yêu cầu về ngôn ngữ mà còn liên quan chặt chẽ đến năng lực giao tiếp liên văn hoá (ICC) (Byram, 1997).

Tại Việt Nam, giảng dạy ICC vẫn nặng tính lý thuyết và lồng ghép thụ động, thiếu hoạt động trải nghiệm và cơ hội

giao tiếp thực tế với người nước ngoài, dẫn đến việc phát triển ICC còn hạn chế. Trong bối cảnh đó, một phương pháp nổi bật là Collaborative Online International Learning (COIL) - hình thức hợp tác trực tuyến quốc tế ra đời. Theo Gelashvili và Blanco (2024), việc thiết kế và triển khai COIL cho phép giảng viên và sinh viên tham gia mà không cần di chuyển, từ đó giảm chi phí, tăng tính linh hoạt và giảm phát thải carbon, khiến mô hình này “thân

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

² Trường THPT Chuyên Nguyễn Huệ

thiện với môi trường” hơn so với các hình thức trao đổi truyền thống. Việc áp dụng COIL vì vậy được kỳ vọng sẽ giúp sinh viên chuyên ngành du lịch Việt Nam nâng cao ICC, vượt qua rào cản địa lý và mở rộng tiếp xúc liên văn hoá trong giáo dục.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Năng lực giao tiếp liên văn hoá

Đã có nhiều định nghĩa về ICC được đưa ra, nhưng nhìn chung, đa phần các tác giả đều nhận định về ICC như khả năng giao tiếp hiệu quả với mọi người đến từ các quốc gia và nền văn hoá khác (Fantini, 2019; Deardorff, 2006; Byram, 1997). Các nghiên cứu này đều khẳng định vai trò quan trọng của ICC trong việc giúp cá nhân hiểu và thích ứng với sự khác biệt văn hoá để giao tiếp hiệu quả.

Trong số các học giả nghiên cứu ICC, Byram (1997) được coi là người tiên phong. Ông cho rằng một cá nhân có ICC tốt phải biết xây dựng quan hệ khi sử dụng ngôn ngữ nước ngoài, cân nhắc nhu cầu và góc nhìn của cả hai phía, làm trung gian giữa các nền văn hoá, và liên tục phát triển kỹ năng giao tiếp. Byram nhấn mạnh ICC được hình thành từ nhận thức, thái độ và hành vi, gồm năm thành tố chính: (1) *thái độ cởi mở, tôn trọng sự khác biệt*; (2) *kiến thức về văn hoá bản thân và văn hoá khác*; (3) *kỹ năng diễn giải và liên hệ hiện tượng văn hoá*; (4) *kỹ năng khám phá và tương tác trong bối cảnh liên văn hoá*; và (5) *năng lực đánh giá mang tính phê phán các giá trị và hành vi văn hoá*. Những thành tố này kết hợp giúp người học giao tiếp hiệu quả và có ý thức trong môi trường đa văn hoá (Hình 1).

Các định nghĩa và khung lý thuyết tiếp theo về căn bản đồng nhất với quan điểm của Byram. Fantini (2019) cũng có

quan điểm tương tự khi cho rằng ICC bao gồm việc phát triển nhận thức liên văn hoá, thái độ tích cực và kỹ năng giao tiếp trong các tình huống giao thoa văn hoá, Tuy nhiên mô hình ICC của Fantini có bối cảnh phát triển gắn chặt với cộng đồng người sống và làm việc ở nước ngoài (expatriates), ông cũng nhấn mạnh việc người học trải nghiệm trực tiếp khi sống ở nước ngoài là điều kiện quan trọng để phát triển các năng lực liên văn hoá. Vì vậy, nghiên cứu này sử dụng mô hình ICC của Byram do sự phù hợp với bối cảnh nghiên cứu diễn ra ở Việt Nam và người tham gia không có trải nghiệm trực tiếp tại nước ngoài trong thời điểm diễn ra nghiên cứu.

2.2. Phương pháp học tập trực tuyến quốc tế (Collaborative Online International Learning - COIL)

Phương pháp COIL là mô hình học tập giúp kết nối những cá nhân đến từ các nền văn hoá khác nhau để cùng tham gia vào hoạt động học tập chung, thảo luận và hợp tác trong khuôn khổ các học phần học thuật của họ (Collett & cộng sự, 2023).

Theo SUNY COIL Center (2023), một trải nghiệm COIL hoàn chỉnh nên bao gồm bốn giai đoạn chính:

(1) *giai đoạn xây dựng nhóm*, bao gồm các hoạt động để sinh viên làm quen và cảm thấy tự tin khi làm việc trực tuyến với bạn từ những nền văn hoá khác trong dự án;

(2) *giai đoạn tổ chức*, hướng đến việc chuẩn bị cho các nhiệm vụ trong dự án hợp tác, bao gồm quá trình hình thành nhóm;

(3) *giai đoạn thực hiện dự án*, tập trung vào nhiệm vụ hợp tác đã được thiết kế;

(4) *giai đoạn trình bày*, nơi sản phẩm cuối cùng được giới thiệu và sinh viên tiến hành phản tư về nội dung dự án cũng như các yếu tố văn hóa trong quá trình hợp tác.

2.3. Các nghiên cứu về ứng dụng phương pháp học tập trực tuyến quốc tế để nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hoá cho người học

Các nghiên cứu về COIL trong hơn hai thập kỷ qua đều khẳng định hiệu quả của mô hình này đối với phát triển năng lực giao tiếp liên văn hoá (ICC).

Li (2019) phân tích bài luận của 15 sinh viên Trung Quốc sau khi thực hiện COIL với sinh viên Mỹ và cho thấy COIL cải thiện ICC dựa trên mô hình năm yếu tố của Byram; song nghiên cứu cũng ghi nhận hạn chế như chênh lệch múi giờ và việc giao tiếp chủ yếu diễn ra không đồng bộ. Trong một nghiên cứu khác, Hackett và cộng sự (2023) sử dụng thiết kế bán thực nghiệm trên 108 sinh viên Hà Lan và Mỹ, chỉ ra sự cải thiện đáng kể về ICC của nhóm sinh viên Mỹ tham gia COIL, trong khi sinh viên Hà Lan không có khác biệt rõ do đã tiếp xúc nhiều với môi trường quốc tế trong chương trình học. Chau và cộng sự (2024) triển khai COIL cho 150 sinh viên Việt Nam và Đài Loan, cho thấy phương pháp này giảm đáng kể mức độ ngại giao tiếp liên văn hoá và cải thiện ICC.

Tuy COIL mang lại lợi ích rõ rệt, Gelashvili và Blanco (2024) lưu ý rằng phương pháp này được áp dụng chủ yếu ở các quốc gia phát triển; các dự án tại những nước thu nhập thấp như Việt Nam còn hạn chế, nhỏ lẻ và thường do từng giảng viên tự triển khai. Nhiều nghiên cứu tập trung vào nội dung học thuật hơn là xem phát triển ICC như mục tiêu chính.

Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành để trả lời những câu hỏi sau:

1. *Phương thức học tập cộng tác trực tuyến quốc tế (COIL) có giúp cải thiện năng lực giao tiếp liên văn hoá (ICC) của sinh viên không?*

2. *Quan điểm của sinh viên như thế nào về vai trò của COIL đối với việc cải thiện ICC?*

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện thông qua kênh thông tin của Khoa Du lịch, Trường Đại học Mở Hà Nội. Tiêu chí chọn mẫu bao gồm một số điều kiện: là sinh viên chuyên ngành du lịch, có hứng thú với chủ đề du lịch bền vững, có cam kết về mặt thời gian khi tham gia dự án, và có trình độ tiếng Anh từ trung cấp (pre-intermediate) trở lên. Mẫu nghiên cứu cuối cùng bao gồm 34 sinh viên Khoa Du lịch, từ năm 18 đến 21 tuổi, 16 nam và 18 nữ. Tất cả người tham gia đều được cung cấp thông tin đầy đủ về mục đích và quy trình nghiên cứu, đồng thời ký cam kết đồng thuận. Ngoài ra, dự án còn có sự tham gia của 44 thành viên đến từ Malaysia, Philippines và Ấn Độ.

Nghiên cứu áp dụng thiết kế tiền kiểm - hậu kiểm không nhóm đối chứng, sử dụng phương pháp hỗn hợp kết hợp dữ liệu định lượng và định tính để đảm bảo cái nhìn toàn diện cho kết quả nghiên cứu. Quá trình nghiên cứu được triển khai qua hai giai đoạn.

- *Giai đoạn 1 (định lượng)*: Người tham gia trả lời bảng hỏi tiền kiểm với thang đo ICC dựa trên mô hình của Byram (1997), điều chỉnh từ thang đo của Duisembekova (2021) với bốn nhóm biến: Thái độ, Kiến thức, Nhận thức và Kỹ năng. Sau đó, sinh viên tham gia dự án COIL trong 08 tuần với chủ đề “*Du lịch bền vững vì một tương lai tốt đẹp hơn*”, diễn ra trên nền tảng Zoom

meeting. Dự án gồm các hoạt động kết hợp giữa lý thuyết và thực hành về du lịch bền vững. Trong đó, các thành viên làm việc theo nhóm 4-5 người đến từ nhiều quốc gia. Sản phẩm cuối cùng của nhóm là đề xuất và thuyết trình về một dự án du lịch bền vững. Sau đó, sinh viên hoàn thành bảng hỏi hậu kiểm tương tự bảng hỏi tiền kiểm.

- *Giai đoạn 2 (định tính)*: Phỏng vấn nhóm với 19 sinh viên Việt Nam nhằm thu thập cảm nhận về trải nghiệm COIL và sự thay đổi ICC của sinh viên. Các buổi phỏng vấn được ghi hình qua Zoom theo sự đồng thuận của người tham gia.

Về phân tích dữ liệu, độ tin cậy thang đo được kiểm tra bằng Cronbach's Alpha với tiêu chuẩn $\text{Alpha} \geq 0,7$ và tương quan biến - tổng $\geq 0,3$. Để lựa chọn phép kiểm định phù hợp, nhóm nghiên cứu dùng kiểm định Shapiro-Wilk nhằm xác định phân phối chuẩn ($p > 0,05$). Với dữ liệu phân phối chuẩn, paired-sample T-test được sử dụng để so sánh kết quả tự đánh giá ICC trước - sau dự án của sinh viên; nếu không chuẩn, nhóm nghiên cứu áp dụng kiểm định Wilcoxon signed-rank. Các kiểm định được thực hiện bằng phần mềm SPSS 27.

Đối với dữ liệu định tính, phương pháp phân tích theo chủ đề (thematic analysis) của Braun và Clarke (2006) được sử dụng, gồm sáu bước: làm quen dữ liệu, mã hóa, hình thành chủ đề, xem xét chủ đề, đặt tên - định nghĩa chủ đề và viết báo cáo minh họa.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả kiểm tra độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm tra hệ số Cronbach's Alpha (N=34) cho thấy các nhân tố "Thái

độ", "Kiến thức" và "Kỹ năng" đều đạt tính tin cậy cần thiết và là những thang đo đơn hướng. Như vậy các thang đo này đạt yêu cầu về độ tin cậy và có thể đưa vào sử dụng. Nhân tố "Nhận thức" có hệ số Cronbach's Alpha bằng $0,858 > 0,7$; tuy nhiên, biến quan sát NT2 (*Tôi có kiến thức văn hóa đặc thù về các quốc gia khác*) có tương quan biến - tổng (Corrected Item - Total Correlation) bằng $0,293 < 0,3$, nên sẽ được loại bỏ khỏi thang đo. Phân tích Cronbach's Alpha lần hai cho ra kết quả hệ số Cronbach's Alpha bằng $0,885 > 0,7$ và tương quan biến tổng nhỏ nhất bằng $0,534 > 0,3$. Như vậy thang đo "Nhận thức" (05 biến quan sát) đạt yêu cầu về độ tin cậy và có thể đưa vào sử dụng.

4.2. Câu hỏi nghiên cứu số 1: Tác động của Phương thức học tập cộng tác trực tuyến quốc tế (COIL) đối với năng lực giao tiếp liên văn hoá (ICC) của sinh viên

Kết quả kiểm định Shapiro-Wilk cho thấy: biến "Hiệu số ICC" có giá trị Sig. = $0,040 (< 0,05)$ nên không có phân phối chuẩn. Biến "Thái độ" có giá trị Sig. $< 0,001$ nên cũng không phân phối chuẩn; Biến "Nhận thức" có Sig. = $0,099 (> 0,05)$ nhưng chưa đủ mạnh để kết luận dữ liệu có phân phối chuẩn. Chính vì thế, để đảm bảo độ an toàn trong phân tích dữ liệu, NCC quyết định sử dụng kiểm định phi tham số (Wilcoxon signed-rank) với biến này; các biến "Kiến thức" và "Kỹ năng" lần lượt có Sig. = $0,155$, và $0,344$ đều lớn hơn $0,05$ nên tuân theo phân phối chuẩn, vì vậy kiểm định T-test sẽ được dùng với hai biến này (Bảng 1).

Bảng 1. Kết quả kiểm định T-test và Wilcoxon signed-rank

Kiểm định Wilcoxon signed-rank		
Biến	T(Z)	Sig.
ICC	T(33) = -3,490	<0,001
Thái độ	T = -2,397	0,017
Nhận thức	T = -2,897	0,004
Kiểm định Paired-sample T-test		
Biến	t(df)	Sig.
Kiến thức	t(33) = 5,198	<0,001
Kỹ năng	t(33) = 2,781	0,009

Kết quả kiểm định Wilcoxon signed-rank cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa điểm tiền kiểm và hậu kiểm ở cả ba biến “ICC”, “Thái độ” và “Nhận thức”, với p lần lượt <0,001 và 0,017 và 0,004. Điều này cho thấy năng lực ICC tổng thể cũng như thái độ và nhận thức về giao tiếp liên văn hoá của sinh viên được cải thiện tích cực sau dự án.

Kết quả kiểm định T-test cũng cho thấy có sự khác biệt trước và sau can thiệp đối với hai biến “Kiến thức” và “Kỹ năng” với p lần lượt <0,001 và 0,009. Điều này cho thấy kiến thức và kỹ năng về giao tiếp liên văn hoá của sinh viên được cải thiện rõ rệt sau can thiệp.

Như vậy, việc áp dụng phương thức COIL đã giúp cải thiện đáng kể ICC của sinh viên.

4.3. Câu hỏi nghiên cứu số 2: Quan điểm của sinh viên về vai trò của phương thức COIL đối với việc cải thiện ICC

Phân tích định tính đối với 19 sinh viên tham gia cho phép nhận diện bốn mảng nội dung nổi bật phản ánh quá trình hình thành và phát triển ICC của sinh viên.

- *Tự nhận thức về sự cải thiện ICC:* Tất cả sinh viên đều khẳng định trải nghiệm COIL giúp họ phát triển khả năng lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt và rèn luyện tư duy phản biện.

Những phát hiện này phản ánh sự phát triển của thái độ cởi mở và năng lực

giao tiếp hiệu quả trong bối cảnh liên văn hoá, hai thành tố quan trọng của ICC. Điều này cho thấy động cơ học tập của sinh viên không chỉ gói gọn trong kỹ năng ngôn ngữ mà còn mở rộng sang năng lực hợp tác, thích nghi và tự định hướng.

- *Khó khăn và thách thức:* Các sinh viên cũng nêu ra nhiều khó khăn trong quá trình tương tác như hạn chế về ngôn ngữ, sự khác biệt trong phong cách học tập, và chênh lệch múi giờ giữa các nước. Tuy nhiên, đa số sinh viên cho biết những khó khăn này đều dần được vượt qua nhờ việc quan sát, điều chỉnh phong cách giao tiếp và tăng cường tự tin hơn theo thời gian.

- *Ấn tượng về sinh viên và quốc gia khác:* Sinh viên Việt Nam bày tỏ ấn tượng tích cực về sự chuyên nghiệp, tự tin và tinh thần hợp tác của các bạn quốc tế. Những kết quả này góp phần củng cố hiểu biết liên văn hoá của sinh viên, đồng thời giúp họ điều chỉnh hành vi giao tiếp để phù hợp hơn với chuẩn mực quốc tế.

- *Thay đổi nhận thức về văn hoá Việt Nam:* Sinh viên trở nên tự tin hơn khi chia sẻ văn hoá Việt Nam và nhận ra tầm quan trọng của việc hiểu sâu văn hoá bản thân. Điều này cho thấy sự phát triển song song của ý thức bản sắc văn hóa (cultural identity awareness) và năng lực diễn đạt bản sắc một cách tự tin, hai yếu tố quan trọng khi giao tiếp và làm việc trong môi trường liên văn hoá.

Kết quả này khẳng định giá trị của phương pháp COIL trong việc bồi dưỡng người học trở thành công dân toàn cầu, đồng thời cung cấp bằng chứng thực tiễn cho các nghiên cứu về phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam.

4.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên tham gia dự án COIL phát triển rõ rệt năng lực giao tiếp liên văn hoá (ICC) ở bốn thành tố: thái độ, nhận thức, kiến thức và kỹ năng. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu của Huertas-Abril và Palacios-Hidalgo (2024), Godwin-Jones (2019), cho thấy COIL mở rộng thế giới quan, nâng cao nhận thức toàn cầu và tăng cường khả năng tương tác trong môi trường đa văn hoá.

Một điểm nổi bật là vai trò của tiếng Anh trong dự án này không chỉ là công cụ học ngôn ngữ mà còn là phương tiện kiến tạo hiểu biết xuyên văn hoá, phù hợp với lập luận của Thorne (2010), được thể hiện rõ qua chủ đề “du lịch bền vững” của dự án.

Khác với nhiều nghiên cứu trước chỉ dừng ở mục tiêu giao lưu văn hoá chung hoặc chỉ chú trọng vào nội dung chuyên môn, nghiên cứu này gắn COIL với một chủ đề cụ thể và thực tiễn - Du lịch bền vững, phù hợp với chuyên ngành đào tạo của sinh viên. Bên cạnh đó, việc duy trì nhóm cố định trong toàn bộ quá trình giúp tăng cường sự gắn kết và tinh thần hợp tác, khắc phục hạn chế của các mô hình trao đổi ảo khi thay đổi đối tác thường xuyên. Việc hướng đến mục tiêu chung giúp sinh viên phát triển năng lực liên văn hoá thông qua quá trình cộng tác, đàm phán và phản tư, thay vì chỉ tiếp nhận thông tin văn hoá (Cunningham, 2016).

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng ghi nhận một số hạn chế: (1) nhóm cố định, mặc dù giúp tăng sự gắn kết và tương tác giữa các thành viên, lại làm giảm cơ hội tiếp xúc đa dạng văn hoá, dễ dẫn đến nhận định phiến diện; (2) hoạt động thảo luận trong phòng riêng (breakout rooms) gây khó khăn cho giảng viên trong việc theo dõi, đòi hỏi nhiệm vụ rõ ràng và phân vai nhóm trưởng ngay từ đầu; (3) cỡ mẫu nhỏ (N=34) và không có nhóm đối chứng (control group) khiến kết quả mang tính khám phá, chưa thể khẳng định quan hệ nhân quả giữa COIL và ICC.

V. Kết luận và kiến nghị

Kết quả nghiên cứu cho thấy COIL tạo tác động tích cực rõ rệt đối với năng lực giao tiếp liên văn hoá (ICC) của sinh viên trên cả bốn phương diện: thái độ, nhận thức, kiến thức và kỹ năng. Sinh viên ghi nhận sự tiến bộ trong khả năng lắng nghe, hợp tác, tư duy phản biện, hiểu biết về sự đa dạng văn hoá và phát triển ý thức tự hào về bản sắc Việt Nam. Điều này cho thấy COIL không chỉ hỗ trợ nâng cao ICC mà còn góp phần hình thành tư duy toàn cầu và sự tự tin khi tham gia môi trường quốc tế.

Từ các kết quả này, nghiên cứu đưa ra một số đề xuất trong việc đào tạo năng lực liên văn hoá. Ngoài việc giảng dạy lý thuyết về giao tiếp liên văn hoá, các hoạt động giảng dạy nên được đa dạng hoá gắn với bối cảnh thực tiễn và tiếp xúc quốc tế. Phương pháp học tập theo dự án có thể là một lựa chọn đáng chú ý, khi có thể “giúp sinh viên học hỏi được những kiến thức cụ thể về giao tiếp liên văn hoá Việt - Anh, và văn hóa của cộng đồng các nước nói tiếng Anh với tư thế chủ động (Lê & cộng sự, 2022). Với những lợi ích rõ ràng, cơ

sở đào tạo nên tích hợp COIL vào chương trình học và ưu tiên thiết kế nhiệm vụ gắn với chuyên ngành và vấn đề thực tiễn. Giảng viên cần được bồi dưỡng kỹ năng thiết kế - điều phối COIL và hỗ trợ sinh viên vượt qua rào cản ngôn ngữ, khác biệt văn hoá. Sinh viên được khuyến khích chủ động tham gia trao đổi quốc tế, phát triển khả năng phản tư và hiểu biết văn hoá Việt Nam để nâng cao năng lực giới thiệu bản sắc dân tộc. Các nghiên cứu tương lai nên mở rộng quy mô, hoặc bổ sung nhóm đối chứng để đánh giá một cách thuyết phục và toàn diện hơn về hiệu quả của COIL trong đào tạo ICC cho người học.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được tài trợ bởi đề tài khoa học cấp Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2025 - 02.20. Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các giáo viên, học sinh, sinh viên đến từ 04 nước Việt Nam, Philippines, Malaysia và Ấn Độ vì sự hợp tác trong suốt quá trình thực hiện dự án.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Braun, V., & Clarke, V. (2006). Using thematic analysis in psychology. *Qualitative Research in Psychology*, 3(2), 77-101. <https://doi.org/10.1191/1478088706qp063oa>.
- [2]. Byram, M. (1997). *Teaching and assessing intercultural communicative competence*. Multilingual Matters.
- [3]. Chau, H. T. H., Bui, H. P., & Dinh, Q. T. H. (2024). Impacts of online collaborative learning on students' intercultural communication apprehension and intercultural communicative competence. *Education and Information Technologies*, 29, 7447-7464. <https://doi.org/10.1007/s10639-023-12100-0>.
- [4]. Collett, K., Slapac, A., Coppersmith, S. A., & Cheng, J. (2023). Towards a responsible pedagogy through a collaborative online international learning (COIL) course. In A. Slapac & C. A. Huertas-Abril (Eds.), *Encouraging transnational learning through telecollaboration in global teacher education* (pp. 38-60). IGI Global.
- [5]. Cunningham, D. J. (2016). Request modification in synchronous computer-mediated communication: The role of focused instruction. *The Modern Language Journal*, 100(2), 484-507. <https://doi.org/10.1111/modl.12332>.
- [6]. Deardorff, D. (2006). Identification and assessment of intercultural competence as a student outcome of internationalization. *Journal of Studies in International Education*, 10(3), 241-266.
- [7]. Duisembekova, Z. (2021). Beliefs about Intercultural Communicative Competence: The Development and Validation of a New Instrument. *International Journal of Instruction*, 14(2), 103-116. <https://doi.org/10.29333/iji.2021.1427a>.
- [8]. Fantini, A. E. (2019). *Intercultural communicative competence in educational exchange*. Routledge.
- [9]. Gelashvili, M., & Blanco, G. (2024). COIL as a Way to Enhance Internationalization: Balancing Evidence and Proliferation. *International Higher Education*. <https://ihe.bc.edu/pub/tyitbd10>.
- [10]. Godwin-Jones, R. (2019). Telecollaboration as an approach to developing intercultural communication competence. *Language Learning & Technology*, 23(3), 8-28. <http://hdl.handle.net/10125/44691>.
- [11]. Hackett, S., Janssen, J., Beach, P., Wanner, M., & Zepp, S. (2023). The effectiveness of Collaborative Online

- International Learning (COIL) on intercultural competence development in higher education. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 20(5). <https://doi.org/10.1186/s41239-022-00373-3>.
- [12]. Huertas-Abril, C. A., & Palacios-Hidalgo, F. J. (2024). Collaborative international online learning for the development of intercultural awareness: an experience with pre-service language teachers. *Journal for Multicultural Education*, 18(1/2), 67-80. <https://doi.org/10.1108/JME-09-2023-0093>.
- [13]. Le, T. V., Le, T. P. T., Le, T. A. T., & Luu, C. H. (2022). Đề xuất phương pháp dạy học theo dự án trong giảng dạy môn giao thoa văn hoá tại Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Hà Nội*, 92, 36-46.
- [14]. Li, Y. (2019). Collaborative Online International Learning: A Pilot Study in Intercultural Communicative Competence in Chinese Higher Education Background. *US-China Education Review A*, 9(7), 304-310. <https://doi.org/10.17265/2161-623X/2019.07.004>.
- [15]. SUNY COIL Center. (2023). *What is COIL?*. <https://coil.suny.edu/what-is-coil/>.
- [16]. Thorne, S. (2010). The “intercultural turn” and language learning in the crucible of new media. In S. Guth & F. Helm (Eds.), *Telecollaboration 2.0: Language, literacies and intercultural learning in the 21st century* (pp. 139-164). Peter Lang.

ENHANCING STUDENTS' INTERCULTURAL COMMUNICATIVE COMPETENCE THROUGH A COLLABORATIVE ONLINE INTERNATIONAL LEARNING PROJECT ON SUSTAINABLE TOURISM

*Hoang Thi Thanh¹, Pham Dieu Ly¹, Nguyen Thi Thao¹, Dinh Thi Bich Nguyet¹,
Tran Minh Duc¹, Dang Hong Ha²*

***Abstract:** This study aims to evaluate the effectiveness of the Collaborative Online International Learning (COIL) approach in developing the Intercultural Communicative Competence (ICC) of 34 Vietnamese tourism students, while also exploring learners' perceptions of the role of COIL in enhancing ICC after their participation in an international sustainable tourism project. The research employed a one-group pretest-posttest design, combining both quantitative and qualitative methods. Quantitative and qualitative analyses reveal statistically significant improvements across all four components of ICC: attitudes, awareness, knowledge, and skills. Based on these findings, the study proposes several recommendations for higher education institutions as well as suggestions for future research on similar topics.*

***Keywords:** COIL, ICC, intercultural communicative competence, sustainable tourism*

¹ Hanoi Open University

² Nguyen Hue High School for the Gifted